

cần tập trung đưa tin, động viên các cơ quan đơn vị, cá nhân làm tốt và kịp thời nhắc nhở, ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực có thể xảy ra.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong ngành Giao thông vận tải khẩn trương triển khai thực hiện Chỉ thị này./.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

ĐÀO ĐÌNH BÌNH

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 144/2003/QĐ-BTC ngày 10/9/2003 về việc ban hành mức thu phí sử dụng đường bộ tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thị xã Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 07/01/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 109/2002/TT-BTC ngày 06/12/2002 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí sử dụng đường bộ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu mức thu phí sử dụng đường bộ tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thị xã Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Đối tượng áp dụng thu phí sử dụng đường bộ tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thị xã Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Cơ quan thu phí đường bộ tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thị xã Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam thực hiện thu, nộp và quản lý tiền phí thu được theo quy định đối với đường bộ do nhà nước đầu tư bằng vốn vay và thu phí hoàn vốn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải nộp phí, đơn vị được Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ tổ chức thu phí sử dụng đường bộ tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thị xã Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thứ trưởng

TRƯƠNG CHÍ TRUNG

**BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG
ĐƯỜNG BỘ TUYẾN TRÁNH QUỐC LỘ 1A
ĐOẠN QUA THỊ XÃ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 144/2003/QĐ-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2003
của Bộ trưởng Bộ Tài chính).*

Số thứ tự	Phương tiện chịu phí đường bộ	Mệnh giá		
		Vé lượt (đồng/vé/lượt)	Vé tháng (đồng/vé/tháng)	Vé quý (đồng/vé/quý)
1	Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự	1.000	10.000	
2	Xe lam, xe bông sen, xe công nông, máy kéo	4.000	120.000	300.000
3	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn và các loại xe buýt vận tải khách công cộng	10.000	300.000	800.000
4	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	15.000	450.000	1.200.000
5	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	22.000	660.000	1.800.000
6	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 fit	40.000	1.200.000	3.200.000
7	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 fit	80.000	2.400.000	6.500.000

Ghi chú: Tải trọng của từng loại phương tiện áp dụng mệnh giá trên là tải trọng theo thiết kế.